

Bản án số: 369/2021/DS-PT

Ngày: 22-11-2021

V/v: “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Anh - Thư ký Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2021/TLPT-DS ngày 29/3/2021 về việc: “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 1765/2020/DS-ST ngày 06/10/2020 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 567/2021/QĐPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Chu M**, sinh năm 1959. (Có mặt)

Địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Chiêm K**, chết năm 2011.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:

- Bà **Lương Thị Hồng L**, sinh năm 1948.

- Ông **Nguyễn Quang D**, sinh năm 1971.

- Ông **Nguyễn Quang T**, sinh năm 1973.

- Bà **Nguyễn Thị Hồng Y**, sinh năm 1977.

- Bà **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ:, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà L, ông D, ông T, bà Y: Bà **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ:, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số chứng thực 280, quyển số 01TP/CC-SCT/HĐGD ngày 04/6/2009 do Phòng Tư pháp Quận 3 chứng thực và Hợp đồng ủy quyền số công chứng 030863, quyển số 11TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/11/2011 do Phòng công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trương Thị H, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.2/ Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1959. (Xin vắng mặt)

3.3/ Bà **Nguyễn N Trâm A**, sinh năm 1992. (Xin vắng mặt)

3.4/ Bà **Nguyễn N Phương Q**, sinh năm 1997. (Xin vắng mặt)

3.5/ Ông **Nguyễn Thế C**, sinh năm 1953. (Có mặt)

3.6/ Bà **Lê Thị Bạch Ph**, sinh năm 1956. (Có mặt)

3.7/ Bà **Nguyễn Thụy Phương V**, sinh năm 1996. (Xin vắng mặt)

3.8/ Ông **Nguyễn Sinh B**, sinh năm 1997. (Vắng mặt)

3.9/ Ông **Nguyễn Chu Đ**, sinh năm 1957. (Vắng mặt)

3.10/ Bà **Trần Thị Kim D**, sinh năm 1961. (Vắng mặt)

3.11/ Ông **Nguyễn Hoàng D**, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

3.12/ Ông **Nguyễn Hoàng N**, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

3.13/ Bà **Kiều Thị T**, sinh năm 1988. (Xin vắng mặt)

3.14/ Trẻ **Nguyễn Khánh L**, sinh năm 2017.

3.15/ Trẻ **Nguyễn Hoàng L**, sinh năm 2019.

3.15/ Ông **Nguyễn Chu T**, sinh năm 1960. (Vắng mặt)

Ông Thành uỷ quyền cho bà **Nguyễn Thị Mai O**, sinh năm 1984 (giấy ủy quyền ngày 10/11/2021, có mặt)

3.16/ Ông **Nguyễn Chiêm K**, sinh năm 1965. (Vắng mặt)

3.17/ Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1967. (Xin vắng mặt)

3.18/ Ông **Nguyễn Duy K**, sinh năm 1995. (Xin vắng mặt)

3.19/ Ông **Nguyễn Duy K**, sinh năm 1996. (Xin vắng mặt)

3.20/ Bà **Nguyễn Thụy Phương U**, sinh năm 1979. (Xin vắng mặt)

3.21/ Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1979. (Xin vắng mặt)

3.22/ Trẻ **Nguyễn Bảo T**, sinh năm 2005.

3.23/ Trẻ **Nguyễn N Gia H**, sinh năm 2008.

Cùng địa chỉ: Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.24/ Bà **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1955. (Có mặt)

Địa chỉ: Số, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.25/ Bà **Nguyễn Thị Thanh B**, sinh năm 1963. (Có mặt)

Địa chỉ:, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.26/ Ông **Nguyễn Chu Đ**, chết năm 2006 có vợ và con là:

- Bà **Võ Thị Mai H**, sinh năm 1962. (Có mặt)

- Bà **Nguyễn Hoàng Vương P**, sinh năm 1988. (Có mặt)

Cùng địa chỉ:, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.27/ Trẻ **Võ Hoàng N**, sinh năm 2009.

3.28/ Trẻ **Võ Hoàng Thảo N**, sinh năm 2011.

3.29/ Bà **Thạch Thị Yên**, sinh năm 1980. (Xin vắng mặt)

3.30/ Trẻ **Nguyễn Hồng Ân C**, sinh năm 2004.

3.31/ Trẻ **Nguyễn Thạch Cát A**, sinh năm 2006.

3.32/ Ông **Bùi Văn N**, sinh năm 1968. (Xin vắng mặt)

3.33/ Trẻ **Bùi N Y Ni**, sinh năm 2003.

3.34/ Trẻ **Bùi Minh Nt**, sinh năm 2012.

Cùng địa chỉ: 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.35/ Ông **Nguyễn Thế Ng**, chết năm 2019 có vợ và con là:

- Bà **Trần Thị N Tr**.

- Bà **Nguyễn Hoàng Anh Th**.

(không xác định được năm sinh và địa chỉ cư trú).

- *Người kháng cáo*: Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn K là bà Lương Thị Hồng L và bà Nguyễn Thị Hồng N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Chu M trình bày: Toàn bộ nhà đất diện tích 180,7m² tọa lạc tại số 210/12 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc của mẹ ông là bà Chu Nguyệt Phương nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Nga vào năm 1960. Gia đình ông sống tại nhà đất trên từ đó đến nay.

Cha của ông M là ông Nguyễn Văn Từ chết năm 1986. Ngày 31/3/2008 mẹ ông là bà Chu Nguyệt Phương chết. Cả hai đều không để lại di chúc. Cha mẹ ông có 11 người con chung gồm: Nguyễn Chiêm K, Nguyễn Thị Hải, Nguyễn Thế Nghiệp, Nguyễn Thế Cường, Nguyễn Thị Thanh Hương, Nguyễn Chu Đức, Nguyễn Chu Thành, Nguyễn Chu Đạt, Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Chiêm Khang và Nguyễn Chu M.

Năm 2006, ông Nguyễn Chu Đạt chết, có vợ là bà Võ Thị Mai Huỳnh và con là Nguyễn Hoàng Vương Phi. Ngày 22/02/2010, bà Nguyễn Thị Hải chết, không có chồng con. Năm 2019, ông Nguyễn Thế Nghiệp chết nhưng do chết ở nước ngoài nên ông M không thể cung cấp cho Tòa án giấy chứng tử của ông Nghiệp và cũng không xác định được vợ, con ông Nghiệp hiện đang ở đâu.

Khoảng năm 1986 do có mâu thuẫn với ông Nguyễn Chiêm K và bà Lương Thị Hồng L nên mẹ ông là bà Phương đã xây bức tường ngăn cho ông K, bà L sống ở phía sau của căn nhà. Tháng 3/2007 bà Phương làm thủ tục hợp thức hóa nhà thì phát hiện bà L đã kê khai nhà đất để xin cấp sổ nhà, còn ông K thì giả mạo chữ ký của bà Phương để xin Ủy ban Nhân dân phường xác nhận kinh doanh nhà trọ. Từ đó phát sinh tranh chấp giữa mẹ ông và ông K, bà L.

Sau khi mẹ ông chết, ngoại trừ ông K, các anh chị em khác đều đồng ý thực hiện thủ tục kê khai di sản đối với toàn bộ nhà đất mà cha mẹ để lại. Việc gia đình bà N khai rằng bà Phương có làm giấy tờ cho ông K, bà L phần nhà phía sau có diện tích khoảng hơn 40m² ông không đồng ý. Ông khẳng định toàn bộ chứng cứ bà L cung cấp cho Tòa để chứng minh việc được tặng cho nhà đất gồm: Bản chính Giấy đăng ký nhà đất năm 1999 (trước đây là Giấy kê khai nhà đất tự xây cất); Bản chính Quyết định cấp sổ nhà (trước đây lý do cấp là do tách thửa); Bản photo Đơn cứu xét của bà Phương gửi đến Ủy ban Nhân dân Phường 10, Quận 3 (có nội dung bà Phương xin cứu xét là “cho ông K được sử dụng 5m x 8m có lối đi riêng dùng để ở trọ vài người”) đều là ngụy tạo, không có giá trị.

Căn nhà này hiện nay do ông Cường, ông Khang, ông Đức và gia đình ông K đang trực tiếp sử dụng. Quá trình sử dụng, vợ con ông K khai là đã sửa chữa lại toàn bộ phần xây dựng và giá trị sửa chữa là 100.000.000 đồng. Còn phần diện tích nhà phía trước ông Khang cho rằng cũng đã bỏ tiền ra sửa chữa, tu bổ hết khoảng 140.000.000 đồng. Ông M không có ý kiến gì về số tiền sửa chữa mà gia đình ông K và ông Khang đã bỏ ra. Nay ông M yêu cầu Tòa án xác định di sản của cha mẹ ông để lại là toàn bộ diện tích nhà đất 180,7m² tọa lạc tại số 210/12 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và chia thừa kế theo quy

định pháp luật. Ông đồng ý trước khi chia di sản của cha mẹ sẽ trừ đi phần xây dựng, sửa chữa của ông K, bà L và ông Khang, phần còn lại mới tiến hành chia thừa kế. Theo kết quả thẩm định giá ngày 25/6/2020 của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Tư vấn Hồng Đức thì giá trị nhà đất trên là 32.726.739.000 (Ba mươi hai tỷ bảy trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn) đồng. Ông đồng ý với kết quả này và không có ý kiến gì khác.

Tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lương Thị Hồng L, ông Nguyễn Quang D, ông Nguyễn Quang T, bà Nguyễn Thị Hồng Y, bà Nguyễn Thị Hồng N do bà Nguyễn Thị Hồng N là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Về thời điểm ông Từ, bà Phương chết, về quan hệ huyết thống bà đồng ý với ý kiến của ông M đã trình bày. Bà xác định, toàn bộ nhà và đất tọa lạc tại số 210/12 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông Từ và bà Phương. Tuy nhiên, vào năm 1986, ông Từ, bà Phương có hợp gia đình lại và cho ông K, bà L được sở hữu, sử dụng phần nhà đất phía sau có diện tích khoảng 40m². Trong quá trình sử dụng, ông K, bà L đã sửa chữa lại toàn bộ căn nhà, cụ thể: Phần nhà xây tường cao thêm 6m, lợp lại mái và làm gác lửng, phần trước đây là chuồng heo thì được sửa chữa làm nhà tắm, phần bếp cũng cải tạo nhiều, giá trị sửa chữa mà gia đình bà đã bỏ ra là 100.000.000 đồng. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu của ông M xác định toàn bộ nhà đất nêu trên là di sản của ông Từ, bà Phương. Trong trường hợp, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, bà có ý kiến như sau: Gia đình ông K sẽ tiếp tục ở căn nhà phía sau và đưa lại giá trị phần nhà đất nếu có dư so với kỷ phần thừa kế ông K được hưởng sau khi trừ đi phần xây dựng là 100.000.000 đồng. Trong trường hợp Tòa án xác định phần nhà phía sau diện tích khoảng 40m² là tài sản bà Phương tặng cho gia đình bà N thì phần diện tích đất còn lại bà đề nghị chia thừa kế theo quy định pháp luật.

Bị đơn không có ý kiến gì về kết quả định giá của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Tư vấn Hồng Đức.

Ông Nguyễn Chu Đức, ông Nguyễn Chu Thành, ông Nguyễn Thế Cường, ông Nguyễn Thế Nghiệp (do ông M đại diện khi còn sống), bà Nguyễn Thị Thanh Hương, bà Nguyễn Thị Thanh Bình, ông Nguyễn Chiém Khang, bà Võ Thị Mai Huỳnh và con là Nguyễn Hoàng Vương Phi trình bày: Các ông bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc nhà đất và quan hệ nhân thân.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các ông bà đồng ý và không có yêu cầu gì khác. Theo kết quả thẩm định giá ngày 25/6/2020 của Công ty Cổ phần

Thương mại Dịch vụ và Tư vấn Hồng Đức thì giá trị nhà đất trên là 32.726.739.000 (Ba mươi hai tỷ bảy trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi chín ngàn) đồng. Các ông bà không có ý kiến gì và không yêu cầu định giá lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà: Bà Nguyễn Thị Thu Thanh, bà Nguyễn N Trâm Anh, bà Nguyễn N Phương Quỳnh, bà Lê Thị Bạch Phương, bà Nguyễn Thụy Phương Vy, ông Nguyễn Sinh Bách, bà Trần Thị Kim Dung, ông Nguyễn Hoàng Danh, ông Nguyễn Hoàng Nhân, bà Kiều Thị Trinh, người đại diện của trẻ Nguyễn Khánh Linh, người đại diện của trẻ Nguyễn Hoàng Lâm, bà Nguyễn Thị Kim Loan, ông Nguyễn Duy Khương, ông Nguyễn Duy Khanh, bà Nguyễn Thụy Phương Uyên, ông Nguyễn Hữu Tài, người đại diện của trẻ Nguyễn Bảo Thái, người đại diện của trẻ Nguyễn N Gia Hân, ông Bùi Văn Nga, bà Thạch Thị Yên: Có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1765/2020/DS-ST ngày 06/10/2020 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3, Khoản 11 Điều 26; Khoản 3 Điều 35; Điều 147; Điều 203; Điều 208; Điều 220; Điều 227; Điều 228, Điều 259, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 611, 612, 614, 615, 651, 652, 660 của Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Pháp lệnh án phí lệ phí năm 2009;

Căn cứ Điều 12, Điểm a Khoản 7 Điều 27, Khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin chia thừa kế nhà đất tại số 210/12 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh của nguyên đơn ông Nguyễn Chu M:

- Xác định nhà đất số 210/12 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn Từ và bà Chu Nguyệt Phương.

- Xác định hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn Từ và bà Chu Nguyệt Phương gồm: Người thừa kế của ông Nguyễn Chiêm K (chết năm 2011, có vợ là bà Lương Thị Hồng L và các con là: ông Nguyễn Quang D, ông Nguyễn Quang T, bà Nguyễn Thị Hồng Y, bà Nguyễn Thị Hồng N), người thừa kế của ông Nguyễn Thế Nghiệp

(chết năm 2019, có vợ là bà Trần Thị N Trinh và con là bà Nguyễn Hoàng Anh Thư), ông Nguyễn Thế Cường, bà Nguyễn Thị Thanh Hương, ông Nguyễn Chu Đức, ông Nguyễn Chu Thành, người thừa kế của ông Nguyễn Chu Đạt (chết năm 2006, có vợ là bà Võ Thị Mai Huỳnh và con là Nguyễn Hoàng Vương Phi), bà Nguyễn Thị Thanh Bình, ông Nguyễn Chiếm Khang và ông Nguyễn Chu M;

- Chia phần nhà đất có ký hiệu C cho những người thừa kế của ông Nguyễn Chiếm K gồm: Bà Lương Thị Hồng L, ông Nguyễn Quang D, ông Nguyễn Quang T, bà Nguyễn Thị Hồng Y, bà Nguyễn Thị Hồng N với diện tích 50,7m², trong đó diện tích phù hợp quy hoạch là 46m² theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 115288/ĐDBĐ-CS3 do Trung tâm Đo đạc Bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 12/8/2013 được Phòng Quản lý đô thị Quận 3 duyệt nội nghiệp ngày 20/8/2013. Những người thừa kế của ông K phải có trách nhiệm thanh toán cho các thừa kế gồm: Người thừa kế của ông Nguyễn Thế Nghiệp (chết năm 2019, có vợ là bà Trần Thị N Trinh và con là bà Nguyễn Hoàng Anh Thư), ông Nguyễn Thế Cường, bà Nguyễn Thị Thanh Hương, ông Nguyễn Chu Đức, ông Nguyễn Chu Thành, người thừa kế của ông Nguyễn Chu Đạt (chết năm 2006, có vợ là bà Võ Thị Mai Huỳnh và con là Nguyễn Hoàng Vương Phi), bà Nguyễn Thị Thanh Bình, ông Nguyễn Chiếm Khang và ông Nguyễn Chu M, mỗi phần thừa kế là 625.505.000 (*Sáu trăm hai mươi lăm triệu năm trăm lẻ năm ngàn*) đồng.

- Chia phần nhà đất có ký hiệu A và B cho ông Nguyễn Chiếm Khang với diện tích là 130m², trong đó diện tích phù hợp với quy hoạch là 100,4m² theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 115288/ĐDBĐ-CS3 do Trung tâm Đo đạc Bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 12/8/2013 được Phòng Quản lý đô thị Quận 3 duyệt nội nghiệp ngày 20/8/2013. Ông Khang có trách nhiệm thanh toán cho các thừa kế khác gồm: Người thừa kế của ông Nguyễn Thế Nghiệp (chết năm 2019, có vợ là bà Trần Thị N Trinh và con là bà Nguyễn Hoàng Anh Thư), ông Nguyễn Thế Cường, bà Nguyễn Thị Thanh Hương, ông Nguyễn Chu Đức, ông Nguyễn Chu Thành, người thừa kế của ông Nguyễn Chu Đạt (chết năm 2006, có vợ là bà Võ Thị Mai Huỳnh và con là Nguyễn Hoàng Vương Phi), bà Nguyễn Thị Thanh Bình và ông Nguyễn Chu M, mỗi suất thừa kế là 2.009.683.000 (*Hai tỷ không trăm lẻ chín triệu sáu trăm tám mươi ba ngàn*) đồng.

- Giao phần thừa kế của ông Nguyễn Thế Nghiệp (chết năm 2019, có vợ là bà Trần Thị N Trinh và con là bà Nguyễn Hoàng Anh Thư) được hưởng cho ông Nguyễn Chu Thành quản lý. Ông Thành sẽ có trách nhiệm giao lại cho các thừa kế hợp pháp của ông Nghiệp khi họ yêu cầu.

- Phần đất không phù hợp với quy hoạch là 34,3m² (trong đó phần đất không phù hợp quy hoạch (ký hiệu C) thuộc phần nhà của các thừa kế của ông K quản lý là 4,7m²; Phần không phù hợp quy hoạch (ký hiệu A, B) do ông Khang quản lý là 29,6m²), các bên thống nhất sẽ giải quyết sau nếu sau này phần diện tích đất không phù hợp với quy hoạch được Nhà nước công nhận hoặc được nhận tiền đền bù.

Sau khi ông Khang và những người thừa kế của ông K giao đủ số tiền nêu trên cho các đồng thừa kế thì ông Khang và những người thừa kế của ông K được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở đối với phần nhà đất được phân chia nêu trên.

- Thời gian để ông Khang và những người thừa kế của ông K thi hành giao tiền là 01 tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật. Nếu quá hạn thi hành mà ông Khang và những người thừa kế của ông K không có khả năng thi hành án thì nhà đất tại số 210/12 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh được phát mãi để chia cho các thừa kế. Sau khi trừ các chi phí theo quy định của pháp luật liên quan đến việc phát mãi, trừ đi 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng tiền sửa chữa nhà của bị đơn, trừ đi 140.000.000 (Một trăm bốn mươi triệu) đồng tiền sửa chữa, tu bổ nhà của ông Khang, số tiền còn lại sẽ được phân chia đều cho các thừa kế gồm: Những người thừa kế của ông Nguyễn Chiếm K, người thừa kế của ông Nguyễn Thế Nghiệp, ông Nguyễn Thế Cường, bà Nguyễn Thị Thanh Hương, ông Nguyễn Chu Đức, ông Nguyễn Chu Thành, những người thừa kế của ông Nguyễn Chu Đạt, bà Nguyễn Thị Thanh Bình, ông Nguyễn Chiếm Khang và ông Nguyễn Chu M.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào ngày 13/10/2020 những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn K là bà Lương Thị Hồng L và bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý chia thừa kế đối với căn nhà 210/12A Cách Mạng Tháng Tám, Phường 10, Quận 3 thuộc một phần của căn nhà 210/12 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 10, Quận 3 vì năm 1985 cụ Nguyễn Văn Từ và Chu Nguyệt Phương đã hợp gia đình và đã cho ông Nguyễn Chiếm K căn nhà 210/12A Cách Mạng Tháng Tám. Tiếp đến ngày 06/5/1996 cụ Chu Nguyệt Phương có đơn xin xác nhận về việc đã cho ông K căn nhà 210/12A kể trên và có xác nhận của UBND phường 10, Quận 3, ngoài ra còn có xác nhận ngày 28/9/2009 của các ông Nguyễn Chiếm Khang, Nguyễn Chu Đức và Nguyễn Chu Thành xác nhận cụ Từ, cụ Phương đã cho ông K căn nhà số 210/12A. Gia đình ông K đã sinh sống

trong căn nhà 210/12A từ năm 1985 cho đến nay và đóng thuế đầy đủ cho nhà nước. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bà L, bà N sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chu M.

Trường hợp phải chia thừa kế đối với căn nhà 210/12A Cách mạng Tháng Tám, Phường 10, Quận 3 thì đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét diện tích căn nhà chỉ là 40m², phần còn lại 10,7m² không phải là di sản thừa kế mà thuộc của bị đơn K. Đồng thời ông K là người có công sức giữ gìn tôn tạo căn nhà 210/12A nêu trên nên ông K phải được thêm một suất thừa kế.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bà Nguyễn Thị Hồng N đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị Hồng L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên và không cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về thực tế sử dụng và các giấy tờ có trong hồ sơ. Thực tế năm 1985 có sự việc cụ Từ, cụ Phương cho ông K 1 phần nhà phía sau, có một số anh chị em của ông K xác nhận việc này và thực tế ông K đã xây lại toàn bộ phần nhà được cho. Tại thời điểm năm 1985 khó khăn nên chưa làm thủ tục hợp thức hoá được. Ngoài ra, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm có định giá và đo vẽ nhà thì đều thể hiện nhà đã được phân ra làm 3 phần riêng biệt và phần nhà của ông K đã có vách ngăn riêng biệt, rõ ràng. Khi cụ Phương còn sống thì vào năm 1999 có chủ trương kê khai nhà đất thì bà L đã kê khai phần được cho, còn cụ Phương cũng chỉ kê khai phần nhà trước. Đồng thời đã có quyết định thay đổi số nhà năm 2001 và UBND Phường 10 có xác nhận việc tách thửa, có số nhà cũ và số mới. Do đó, bà L chịu trách nhiệm nộp thuế nhà đất 210/12A. Với các căn cứ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà N, bà L sửa bản án sơ thẩm xác định phần nhà đất 40m² là của ông K. Phần còn lại chia thừa kế theo pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai của các đương sự có đủ căn cứ xác định cụ Phương chỉ cho ông K được sử dụng 1 phần nhà 40m² mà không phải tặng cho ông K. Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế toàn bộ căn nhà là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N, bà L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Lương Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Hồng N đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong hạn luật định, nên kháng cáo của các đương sự này được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nhưng tại phần quyết định, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 3 và khoản 11 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự là không chính xác.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35; a khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp cơ sở, bị đơn ông Nguyễn Chiêm K chết ngày 01/01/2011, Tòa án cấp sơ thẩm xác định vợ và con của ông K gồm bà Lương Thị Hồng L, ông Nguyễn Quang D, Nguyễn Quang Tuấn, bà Nguyễn Thị Hồng Y và Nguyễn Thị Hồng N là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng đúng theo Điều 74 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nhưng tại Bản án sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm không xác định những người này còn có tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là thiếu sót vì các đương sự này hiện đang sinh sống tại nơi có tài sản đang tranh chấp thừa kế.

[5] Xét kháng cáo của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn, thấy rằng:

[5.1] Về những người thừa kế: Cụ Nguyễn Văn Từ (chết năm 1986) và cụ Chu Nguyệt Phương (chết năm 2008) có 11 người con chung gồm: Nguyễn Chiêm K (chết năm 2011), Nguyễn Thị Hải (chết năm 2010, không có chồng con), Nguyễn Thế Nghiệp (chết năm 2019), Nguyễn Thế Cường, Nguyễn Thị Thanh Hương, Nguyễn Chu Đức, Nguyễn Chu Thành, Nguyễn Chu Đạt (chết năm 2006, có vợ là

bà Võ Thị Mai Huỳnh và con là Nguyễn Hoàng Vương Phi), Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Chiếm Khang và Nguyễn Chu M. Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế của cụ Nguyễn Văn Từ và cụ Chu Nguyệt Phương gồm: Người thừa kế của ông Nguyễn Chiếm K (chết năm 2011, có vợ là bà Lương Thị Hồng L và các con là: ông Nguyễn Quang D, ông Nguyễn Quang T, bà Nguyễn Thị Hồng Y, bà Nguyễn Thị Hồng N), người thừa kế của ông Nguyễn Thế Nghiệp (chết năm 2019, có vợ là bà Trần Thị N Trinh và con là bà Nguyễn Hoàng Anh Thư), ông Nguyễn Thế Cường, bà Nguyễn Thị Thanh Hương, ông Nguyễn Chu Đức, ông Nguyễn Chu Thành, người thừa kế của ông Nguyễn Chu Đạt (chết năm 2006, có vợ là bà Võ Thị Mai Huỳnh và con là Nguyễn Hoàng Vương Phi), bà Nguyễn Thị Thanh Bình, ông Nguyễn Chiếm Khang và ông Nguyễn Chu M là đúng.

[5.2] Về di sản thừa kế: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, Tờ bán nhà được ký giữa cụ Nguyễn Thị Nga và cụ Chu Nguyệt Phương thể hiện, nguồn gốc nhà đất số 210/12 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 180,7m² là do cụ Phương mua lại của cụ Nga vào ngày 17/5/1960. Như vậy căn nhà nêu trên là do cụ Từ và cụ Phương tạo lập.

[6] Quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn xác định vào năm 1985 cha mẹ bị đơn là cụ Từ, cụ Phương đã họp toàn bộ gia đình và thống nhất cho gia đình ông K diện tích đất phía sau nhà là 40 m², việc cho này không làm giấy tờ. Điều này hoàn toàn phù hợp với lời xác nhận ban đầu của ông Nguyễn Chu Đức, Nguyễn Chiếm Khang, Nguyễn Chu Thành. Nhưng đến ngày 10/6/2017 các ông Khang, Đức và Thành cùng làm đơn cải chính rút lại giấy xác nhận và xác định cụ Phương, cụ Từ chỉ cho ông K được sử dụng một phần phía sau nhà mà không phải là tặng cho hẳn. Do đó không có căn cứ xác định năm 1985 có sự việc cụ Từ, cụ Phương tặng cho ông K phần nhà phía sau 40m².

[7] Đối với tờ đơn cứu xét ngày 06/5/1996 gửi UBND Phường 10, Quận 3, có chữ ký của cụ Chu Nguyệt Phương thể hiện nội dung cụ Phương chia cho con là ông K một phần căn nhà chiều ngang 5m chiều dài 8m, có lối đi riêng. Tờ đơn này có xác nhận của tổ trưởng tổ dân phố 35 với nội dung cụ Phương ngăn một phần nhà để cho con, cháu ở riêng biệt và xác nhận của UBND Phường 10, Quận 3 với nội dung *“Bà Chu Nguyệt Phương có cho 1 phần diện tích căn nhà số 210/12 CMT8 cho con là Nguyễn Chiếm K và Lương T. Hồng L từ năm 1986 cho đến nay”*. UBND Phường 10 xác nhận ngày 13/5/1986. Tuy nhiên, tờ đơn cứu xét này chỉ là bản phô tô và phía nguyên đơn không công nhận nội dung trong tờ đơn này và xác định tờ đơn này là giả mạo. Do đó, chứng cứ này không có giá trị chứng minh.

[8] Mặt khác, sau khi kê khai nhà đất năm 1999, cả bà Phương và bà L (vợ ông K) đều làm hồ sơ xin hợp thức hóa nhà. Do thấy bà L xin hợp thức hóa phần nhà phía sau là ảnh hưởng quyền lợi của mình nên bà Phương đã khiếu nại đến Ủy ban Nhân dân Phường 10, Quận 3 và Ủy ban Nhân dân Quận 3. Tại Công văn số 137/TNMT ngày 21/5/2008 của Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 3 và Công văn số 72/TTQ3 ngày 20/6/2008 của Thanh tra Quận 3 đã xác định: Thửa 67 theo như bản vẽ năm 1995 chỉ có duy nhất 01 căn nhà số 210/12 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 10, Quận 3 do bà Chu Nguyệt Phương là chủ sở hữu, không có tách thửa như báo cáo của Ủy ban Nhân dân Phường 10, việc cấp số nhà 210/12A Cách Mạng Tháng Tám, Phường 10, Quận 3 theo Quyết định cấp số nhà số 3383/QĐ-UB ngày 23/11/2001 cho bà L là không đúng... Đồng thời kiến nghị Ủy ban Nhân dân Quận 3 thu hồi Quyết định cấp số nhà số 3383/QĐ-UB ngày 23/11/2001. Như vậy, có cơ sở để khẳng định cụ Phương chỉ cho gia đình ông K ở phần nhà phía sau mà không tặng cho một phần nhà như ông K cũng như những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông trình bày.

[9] Với các chứng cứ nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật, tại phiên tòa hôm nay bà N không cung cấp được chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo sửa án của bà N. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu theo quy định pháp luật. Bà Lương Thị Hồng L là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm là có căn cứ, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 273; Điều 290 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lương Thị Hồng L, Nguyễn Thị Hồng N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1765/2020/DS-ST ngày 06/10/2020 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lương Thị Hồng L được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0092928 ngày 30/10/2020 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh vào phần án phí phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hùng

Trần Xuân Minh

Hoàng Minh Thịnh

Nơi nhận:

- Tòa án Nhân dân Tối cao;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thịnh

